

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 17449
	Giờ..... Ngày 18 tháng 5 năm 11 TÀI SẢN

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,325,659,200,949	1,180,827,088,551
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	263,576,099,839	126,419,394,330
1. Tiền	111		189,576,099,839	103,419,394,330
2. Các khoản tương đương tiền	112		74,000,000,000	23,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		38,806,559,616	37,562,972,164
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	38,806,559,616	37,562,972,164
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		485,135,078,769	345,314,077,746
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	421,263,178,796	333,366,537,831
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	63,710,073,739	12,922,329,731
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	4,569,761,589	3,056,076,828
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(4,407,935,355)	(4,030,866,644)
IV. Hàng tồn kho	140		501,849,494,131	642,317,455,278
1. Hàng tồn kho	141	V.7	516,937,339,863	657,405,301,010
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(15,087,845,732)	(15,087,845,732)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		36,291,968,594	29,213,189,033
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	2,290,249,115	821,149,166
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11,693,740,281	15,975,180,965
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	2,165,236,628	537,381,441
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	20,142,742,570	11,879,477,461

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		633,507,979,183	641,259,325,478
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		576,037,390,156	588,797,962,752
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	511,371,681,226	527,681,392,368
<i>Nguyên giá</i>	222		726,763,568,568	722,995,848,063
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(215,391,887,342)	(195,314,455,695)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	48,100,251,490	48,226,156,602
<i>Nguyên giá</i>	228		49,693,587,301	49,692,887,301
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,593,335,811)	(1,466,730,699)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	16,565,457,440	12,890,413,782
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		57,470,589,027	52,461,362,726
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	26,425,476,750	27,180,901,134
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	8,998,119,791	8,848,344,103
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	22,046,992,486	16,432,117,489
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,959,167,180,132	1,822,086,414,029

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		888,782,537,735	836,972,067,754
I. Nợ ngắn hạn	310		798,001,974,476	746,457,409,480
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	440,212,245,574	352,351,393,210
2. Phải trả người bán	312	V.19	94,563,122,982	99,195,986,814
3. Người mua trả tiền trước	313		3,383,494,072	577,547,162
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	21,357,935,630	33,391,496,069
5. Phải trả người lao động	315	V.21	23,163,896,781	30,177,526,068
6. Chi phí phải trả	316	V.22	1,287,550,010	7,933,634,694
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	163,876,931,846	168,538,948,671
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		34,550,000,000	34,550,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	15,606,797,581	19,740,876,792
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		90,780,563,259	90,514,658,274
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.26	88,869,872,693	88,869,872,693
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.27	1,910,690,566	1,644,785,581
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,016,523,138,094	936,000,963,008
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,016,523,138,094	936,000,963,008
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	471,512,730,000	471,512,730,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	191,808,000,000	191,808,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.28	(36,897,215,355)	(32,725,310,618)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.28	3,640,463,612	1,799,344,642
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.28	136,774,604	136,774,604
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	386,322,385,233	303,469,424,380
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		53,861,504,303	49,113,383,267
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,959,167,180,132	1,822,086,414,029

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		8,917,788.58	5,656,325.53
Euro (EUR)		170,172.52	438.09
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 12 tháng 05 năm 2011



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

QUÝ I/2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	Thuyết minh	CHỈ TIÊU	QUÝ I			LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM
			Năm 2011	Năm 2010	Năm 2011	
01	VI.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	936,213,851,890	683,491,252,959	936,213,851,890	683,491,252,959
02	VI.1	Các khoản giảm trừ doanh thu	52,257,075	597,289,119	52,257,075	597,289,119
10	VI.1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	936,161,594,815	682,893,963,840	936,161,594,815	682,893,963,840
11	VI.2	Giá vốn hàng bán	778,614,536,141	566,800,895,307	778,614,536,141	566,800,895,307
20		Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	157,547,058,674	116,093,068,533	157,547,058,674	116,093,068,533
21	VI.3	Doanh thu hoạt động tài chính	29,330,058,103	22,839,235,071	29,330,058,103	22,839,235,071
22	VI.4	Chi phí tài chính	24,059,173,914	20,559,168,365	24,059,173,914	20,559,168,365
23		Trong đó: chi phí lãi vay	15,252,159,206	11,731,044,295	15,252,159,206	11,731,044,295
24	VI.5	Chi phí bán hàng	42,574,804,427	58,990,062,227	42,574,804,427	58,990,062,227
25	VI.6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11,459,468,919	10,868,035,410	11,459,468,919	10,868,035,410
30		Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	108,783,669,517	48,515,037,602	108,783,669,517	48,515,037,602
31	VI.7	Thu nhập khác	596,710,411	1,102,876,465	596,710,411	1,102,876,465
32	VI.8	Chi phí khác	1,493,560,833	98,255,850	1,493,560,833	98,255,850
40		Lợi nhuận khác	(896,850,422)	1,004,620,615	(896,850,422)	1,004,620,615
45		Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-
50		Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	107,886,819,095	49,519,658,217	107,886,819,095	49,519,658,217
51	V.20	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18,185,512,894	9,689,312,789	18,185,512,894	9,689,312,789
52	V.16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(149,775,688)	(2,439,200,858)	(149,775,688)	(2,439,200,858)
60		Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	89,851,081,889	42,269,546,286	89,851,081,889	42,269,546,286
61		Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	6,998,121,036	583,576,956	6,998,121,036	583,576,956
62		Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	82,852,960,853	41,685,969,330	82,852,960,853	41,685,969,330
70	VI.9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,803,122,011	1,220,180,330	1,803,122,011	1,220,180,330

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 05 năm 2011



(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ I/2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2011	Quý I/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		107,886,819,095	49,519,658,217
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, V.13	20,032,438,637	17,164,247,047
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8	-	(5,456,932,412)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	-	3,772,368,000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(8,313,697,610)	(140,575,199)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	15,252,159,206	11,731,044,295
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		134,857,719,328	76,589,809,948
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		134,807,566,953	(4,028,530,467)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		140,467,961,147	(69,093,214,937)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(280,115,569,091)	2,096,449,522
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		719,773,862	1,080,777,849
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.22, VI.4	(15,252,159,206)	(12,014,763,542)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(30,445,577,242)	(11,196,379,896)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8,290,561,724)	(7,330,139,079)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		76,749,154,027	(23,895,990,602)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12, V.13, V.14, VII	(32,336,013,390)	(32,180,749,870)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	-	65,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2,000,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		756,412,548	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	9,930,085,727	135,510,378
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(23,649,515,115)	(31,980,239,492)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.28	-	126,960,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.28	(4,171,904,737)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18, V.26	454,158,966,615	125,623,656,432
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18, V.26	(367,771,114,251)	(310,942,260,245)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	-	(25,850,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		82,215,947,627	(58,384,453,813)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		135,315,586,539	(114,260,683,907)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	126,419,394,330	209,967,674,177
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1,841,118,970	583,242,313
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	263,576,099,839	96,290,232,583

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 12 tháng 05 năm 2011

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý I/2011

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ :** Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh :** Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh :** Nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản; Mua bán thủy hải sản; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản); Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái; Sản xuất bao bì giấy, in các loại; Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản.
- Tổng số các công ty con :** 02
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất : 02

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn I	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	69,80%	69,80%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2, Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ	100,00%	100,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Tài sản cố định khác	03 - 06

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 đến 05 năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

11. Chi phí phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

15. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong năm. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
31/03/2011 : 20.703 VND/USD

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	3.554.342.432	4.991.498.222
Tiền gửi ngân hàng	186.021.757.407	87.041.765.338
Tiền đang chuyển		11.386.130.770
Các khoản tương đương tiền (*)	74.000.000.000	23.000.000.000
Cộng	<u>263.576.099.839</u>	<u>126.419.394.330</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm (*)	32.197.256.415	32.197.256.415
Cho Ông Phan Ngọc Ân vay	6.609.303.201	5.365.715.749
Cộng	<u>38.806.559.616</u>	<u>37.562.972.164</u>

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 32.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	130.539.431.192	149.395.587.811
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	73.396.148.279	36.854.446.317
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	217.327.599.325	147.116.503.703
Cộng	<u>421.263.178.796</u>	<u>333.366.537.831</u>

Khoản phải thu khách hàng có giá trị tương đương 40.000.000.000 VND đã được đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

4. Trả trước người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	63.495.296.226	12.808.234.185
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	214.777.513	114.095.546
Cộng	<u>63.710.073.739</u>	<u>12.922.329.731</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	-	2.066.879.098
Các khoản phải thu khác	4.569.761.589	989.197.730
Cộng	<u>4.569.761.589</u>	<u>3.056.076.828</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ).

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Hàng mua đang đi đường	-	192.983.833.928
Nguyên liệu, vật liệu	234.729.539.976	158.607.701.186
Công cụ, dụng cụ	3.229.276.634	2.591.995.474
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	163.685.537.209	207.797.886.346
Thành phẩm	57.215.500.605	83.491.197.528
Hàng hóa	58.077.485.439	486.130.764
Hàng gửi đi bán	-	11.446.555.784
Cộng	<u>516.937.339.863</u>	<u>657.405.301.010</u>

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Nguyên liệu, vật liệu	337.367.454	337.367.454
Công cụ, dụng cụ	22.003.532	22.003.532
Thành phẩm	14.728.474.746	14.728.474.746
Cộng	<u>15.087.845.732</u>	<u>15.087.845.732</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu kỳ	821.149.166
Tăng trong kỳ	2.039.457.609
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(570.357.660)
Số cuối kỳ	2.290.249.115

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	-	5.684.687
Thuế xuất nhập khẩu nộp thừa	2.165.236.628	531.696.754
Cộng	2.165.236.628	537.381.441

11. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tạm ứng	19.392.632.302	11.190.533.994
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	750.110.268	688.943.467
Cộng	20.142.742.570	11.879.477.461

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	281.924.894.926	422.398.368.510	16.285.634.584	2.386.950.043	722.995.848.063
Tăng trong kỳ	2.483.037.704	1.185.958.160	-	98.724.641	3.767.720.505
Mua sắm mới	-	1.185.958.160	-	98.724.641	1.284.682.801
Tăng khác	2.483.037.704	-	-	-	2.483.037.704
Số cuối kỳ	284.407.932.630	423.584.326.670	16.285.634.584	-2.485.674.684	726.763.568.568
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.220.059.585	21.311.395.720	891.183.056	253.926.670	24.676.565.031
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	37.430.970.248	150.953.454.892	5.847.268.087	1.082.762.468	195.314.455.695
Khấu hao trong kỳ	4.836.512.641	14.286.718.546	641.656.676	140.945.662	19.905.833.525
Tăng khác	155.189.807	-	-	16.408.315	171.598.122
Số cuối kỳ	42.422.672.696	165.240.173.438	6.488.924.763	1.240.116.445	215.391.887.342
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	244.493.924.678	271.444.913.618	10.438.366.497	1.304.187.575	527.681.392.368
Số cuối kỳ	241.985.259.934	258.344.153.232	9.796.709.821	1.245.558.239	511.371.681.226

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 259.290.837.862 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp và Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	48.943.591.501	749.295.800	49.692.887.301
Mua trong kỳ	700.000	-	700.000
Số cuối kỳ	48.944.291.501	749.295.800	49.693.587.301
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	126.500.596	126.500.596
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	994.510.321	472.220.378	1.466.730.699
Khấu hao trong kỳ	95.465.352	31.139.760	126.605.112
Số cuối kỳ	1.089.975.673	503.360.138	1.593.335.811
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	47.949.081.180	277.075.422	48.226.156.602
Số cuối kỳ	47.854.315.828	245.935.662	48.100.251.490

Quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 13.639.391.151VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp và Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua tài sản cố định	5.610.388.946	930.953.962	(647.418.962)	-	5.893.923.946
Xây dựng cơ bản dở dang	7.280.024.836	3.922.516.840	(531.008.182)	-	10.671.533.494
Công trình nhà xưởng số 1	75.386.075	-	-	-	75.386.075
Công trình nhà xưởng số 3	1.920.571.250	-	-	-	1.920.571.250
Chi phí đào ao nuôi cá	3.453.548.173	1.802.138.748	-	-	5.255.686.921
Các công trình khác	1.830.519.338	2.120.378.092	(531.008.182)	-	3.419.889.248
Cộng	12.890.413.782	4.853.470.802	(1.178.427.144)	-	16.565.457.440

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Công cụ,	9.257.878.803	941.755.000	(968.201.578)	-	9.231.432.225

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
dụng cụ					
Tiền thuê đất	17.923.022.331	-	(728.977.806)	-	17.194.044.525
Cộng	27.180.901.134	941.755.000	(1.697.179.384)	-	26.425.476.750

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu kỳ	8.848.344.103
Phát sinh trong kỳ	149.775.688
Số cuối kỳ	8.998.119.791

17. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	435.712.245.574	346.351.393.210
- Vay Ngân hàng TNHH HSBC Việt Nam ^(a)	11.870.301.917	29.400.329.580
- Vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(b)	233.045.647.237	118.151.063.630
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ^(c)	3.992.087.180	-
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ^(d)	186.804.209.240	198.800.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.26)	4.500.000.000	6.000.000.000
Cộng	440.212.245.574	352.351.393.210

(a) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động của công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa trong kho và các khoản phải thu của Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 với trị giá 40.000.000.000 VND.

(b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.

(c) Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, kinh doanh thức ăn thủy sản, bột và mỡ cá. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.

(d) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, nhà số 384 Nguyễn Trãi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh và khoản tiền gửi có kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	Số đầu kỳ	Số tiền vay	Chênh lệch tỷ	Số tiền vay đã	Số cuối kỳ
		phát sinh trong kỳ		giá	
Vay ngắn hạn	346.351.393.210	454.158.966.615	1.473.000.000	(366.271.114.251)	435.712.245.574
Vay dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000	-		(1.500.000.000)	4.500.000.000
Cộng	352.351.393.210	454.158.966.615	1.473.000.000	(367.771.114.251)	440.212.245.574

19. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	36.253.224.750	60.502.117.769
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn I	46.840.702.336	38.443.228.295
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	11.469.195.896	250.640.750
Cộng	94.563.122.982	99.195.986.814

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	(5.684.687)	1.328.363.559	(1.167.429.946)	155.248.926
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(531.696.754)	289.716.043	(1.923.255.917)	(2.165.236.628)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.105.222.039	18.385.652.293	(30.445.577.242)	21.045.297.090
Thuế thu nhập cá nhân	286.274.030	382.649.483	(511.533.899)	157.389.614
Thuế nhà đất	-	60.323.800	(60.323.800)	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Cộng	32.854.114.628	20.452.705.178	(34.114.120.804)	19.192.699.002

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.10).

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến	5%
Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty trong Tập đoàn như sau:

- Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật thuế thu nhập của nước Mỹ.

Các loại thuế khác

Các Công ty kê khai và nộp theo qui định.

21. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí phải trả cho luật sư	-	4.545.261.990
Chi phí khác	1.287.550.010	3.388.372.704
Cộng	<u>1.287.550.010</u>	<u>7.933.634.694</u>

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Kinh phí công đoàn	1.877.743.069	1.693.839.082
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	843.136.792	554.638.042
Cổ tức phải trả	45.400.000	45.400.000
Các khoản phải trả khác	161.110.651.985	166.245.071.547
Cộng	<u>163.876.931.846</u>	<u>168.538.948.671</u>

24. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ liên quan đến năm thứ 7 và năm thứ 8.

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu kỳ	19.740.876.792
Chi quỹ trong kỳ	(4.134.079.211)
Số cuối kỳ	<u>15.606.797.581</u>

26. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ^(a)	23.627.560.693	23.627.560.693
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ^(b)	65.242.312.000	65.242.312.000
Cộng	<u>88.869.872.693</u>	<u>88.869.872.693</u>

^(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh bằng VND để xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh (phần xưởng 1). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc dự án bao gồm máy móc, thiết bị, công trình xây dựng và quyền sử dụng đất của khu đất 17.186,5 m².

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (b) Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp để đầu tư dự án Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	4.500.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	88.869.872.693
Tổng nợ	93.369.872.693

27. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu kỳ	1.644.785.581
Số trích lập trong kỳ	275.855.985
Số chi trong kỳ	(9.951.000)
Số cuối kỳ	1.910.690.566

28. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.151.273	47.151.273
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	46.098.353	46.098.353
- Cổ phiếu phổ thông	46.098.353	46.098.353
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(145.830)	-
- Cổ phiếu phổ thông	(145.830)	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.952.523	46.098.353
- Cổ phiếu phổ thông	45.952.523	46.098.353
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) từ USD sang VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý I/2011</u>	<u>Quý I/2010</u>
Tổng doanh thu	936.213.851.890	683.491.252.959
- Doanh thu bán hàng hóa	36.290.005.492	124.343.162.910
- Doanh thu bán thành phẩm	787.893.061.985	476.576.289.854
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.204.466.976	22.766.188

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quý I/2011</u>	<u>Quý I/2010</u>
- Doanh thu nguyên vật liệu	25.918.878.728	14.906.538.493
- Doanh thu phế phẩm	74.907.438.709	67.642.495.514
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(52.257.075)	(597.289.119)
- Giảm giá hàng bán	(52.257.075)	(16.876.923)
- Hàng bán bị trả lại	-	(580.412.196)
Doanh thu thuần	<u>936.161.594.815</u>	<u>682.893.963.840</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	36.289.773.257	124.340.968.842
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	787.841.037.145	475.981.194.803
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	11.204.466.976	22.766.188
- Doanh thu thuần nguyên vật liệu	25.918.878.728	14.906.538.493
- Doanh thu thuần phế phẩm	74.907.438.709	67.642.495.514
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Quý I/2011</u>	<u>Quý I/2010</u>
Giá vốn của hàng hóa	199.383.234.062	113.304.874.868
Giá vốn của thành phẩm	665.732.215.146	387.345.487.342
Giá vốn của nguyên vật liệu	24.363.271.121	13.252.082.676
Giá vốn của phế phẩm	(92.148.719.208)	58.355.382.833
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(18.715.464.980)	(5.456.932.412)
Cộng	<u>778.614.536.141</u>	<u>566.800.895.307</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Quý I/2011</u>	<u>Quý I/2010</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.799.049.047	318.352.304
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	175.427.729	767.915.554
Lãi cho vay	314.648.563	
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	160.435.829	480.783.942
Lãi bán hàng trả chậm	1.572.144.486	2.668.937.882
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.308.352.449	18.603.245.389
Cộng	<u>29.330.058.103</u>	<u>22.839.235.071</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Quý I/2011</u>	<u>Quý I/2010</u>
Lãi tiền vay	15.252.159.206	11.731.044.295
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.772.368.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.807.014.708	5.055.756.070
Cộng	<u>24.059.173.914</u>	<u>20.559.168.365</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Quý I/2011</u>	<u>Quý I/2010</u>
Chi phí nhân viên	1.149.449.531	1.145.995.179
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	43.211.819
Chi phí khấu hao TSCĐ	44.539.498	68.328.145

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quý I/2011</u>	<u>Quý I/2010</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.119.620.476	43.846.358.817
Chi phí khác	19.261.194.922	13.886.168.267
Cộng	<u>42.574.804.427</u>	<u>58.990.062.227</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Quý I/2011</u>	<u>Quý I/2010</u>
Chi phí nhân viên	4.750.314.346	4.113.993.801
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	331.933.585	190.834.524
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.357.138.532	377.187.114
Thuế, phí và lệ phí	148.982.258	153.388.335
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.676.681.344	852.539.341
Chi phí khác	2.194.418.854	5.180.092.295
Cộng	<u>11.459.468.919</u>	<u>10.868.035.410</u>
7. Thu nhập khác		
	<u>Quý I/2011</u>	<u>Quý I/2010</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	65.000.000
Thu nhập khác	596.710.411	1.037.876.465
Cộng	<u>596.710.411</u>	<u>1.102.876.465</u>
8. Chi phí khác		
	<u>Quý I/2011</u>	<u>Quý I/2010</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	-	59.935.179
Chi phí khác	1.493.560.833	38.320.671
Cộng	<u>1.493.560.833</u>	<u>98.255.850</u>
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	<u>Quý I/2011</u>	<u>Quý I/2010</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	82.852.960.853	41.685.969.330
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	45.955.326	34.156.889
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.803</u>	<u>1.220</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:		
	<u>Quý I/2011</u>	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	46.098.353	
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(143.027)	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	<u>45.955.326</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các Công ty trong Tập đoàn có công nợ về mua sắm tài sản cố định như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	920.491.515	8.029.103.032
Ứng trước mua tài sản cố định	20.668.482.188	978.491.515

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Quý I/2011</u>
<i>Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</i>	
Bán hàng hóa	78.827.457
<i>Các cá nhân có liên quan</i>	
Bán hàng hóa	137.638.094

Tại ngày 31/03/2011, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	6.169.548.856	5.613.467.744
Các cá nhân có liên quan	10.237.905.000	93.385.000
Cộng nợ phải thu	16.407.453.856	5.706.852.744

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa các Công ty trong Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Quý I/2011</u>
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>	
Bán nguyên liệu, thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, ủy thác xuất khẩu	3.663.734.470
Mua hàng hóa, bao bì, hóa chất, nhận xuất khẩu ủy thác	36.213.238.995
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>	

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quý I/2011
Bán nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ	9.898.236.392
Mua hàng hóa, bao bì, hóa chất, nhận xuất khẩu ủy thác	130.438.844.964
Bán thành phẩm	65.628.710.800

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải thu tiền hàng	200.000.000	1.079.294.941
Phải thu tiền hàng ủy thác xuất khẩu	1.254.026.700	
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Phải thu tiền hàng	21.347.591.852	18.405.206.907
Cộng nợ phải thu	22.801.618.552	19.484.501.848

Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải trả tiền hàng	2.063.562.013	
Phải trả tiền hàng ủy thác xuất khẩu	42.359.477.641	65.161.572.388
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Phải trả tiền hàng ủy thác xuất khẩu	117.411.984.568	99.820.646.049
Cộng nợ phải trả	161.835.024.222	164.982.218.437

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 05 năm 2011



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

